TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2018/QĐST-HNGĐ	*Lạng Sơn, ngày 16 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Giáp Thị T; cư trú tại: Thôn K1, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn: Anh Dương Công T1; cư trú tại: Thôn K1, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Dương Công H;

- Chị Dương Thị S1;

Chị Dương Thị S2 và anh Dương Công H cùng cư trú tại: Thôn K1, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn;

- Chị Dương Thị S2; cư trú tại: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

- Chị Dương Thị Q; cư trú tại: Đường T, khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương;

- Chị Dương Thị L1; cư trú tại: Thôn K2, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn;

- Chị Dương Thị L2; cư trú tại: Khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương;

- Chị Dương Thị C; cư trú tại: Thôn Đ, thị trấn T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

- Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 2, 3, 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08/5/2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08/5/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Giáp Thị T và anh Dương Công T1.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01, ngày 22/3/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Giáp Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Công T2, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2010 đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Dương Công T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Dương Công T2, mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 6/2018.

Anh Dương Công T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Giáp Thị T, anh Dương Công T1, anh Dương Công H, chị Dương Thị S2, chị Dương Thị Q, chị Dương Thị L1, chị Dương Thị L2, chị Dương Thị C, chị Dương Thị S1 thỏa thuận nhất trí toàn bộ tài sản chung của vợ chồng do anh Dương Công T1 và chị Giáp Thị T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, anh Dương Công T1 và chị Giáp Thị T không ai phải trả lại tiền cho bên nào. Chị Giáp Thị T được quản lý, sử dụng một mảnh đất, là một phần của thửa 240 và một phần của thửa 244, đều thuộc tờ bản đồ 56, cụ thể mảnh đất có chiều rộng 05m theo mặt đường 244, chiều dài từ mặt đường vào là 37m (kéo dài hết tường rào của thửa 240, tờ bản đồ 56), diện tích mảnh đất là 185m^2 (có sơ họa kèm theo), có giá trị 18.500.000 (mười tám triệu năm trăm nghìn) đồng (căn cứ kết quả định giá tài sản ngày 06/7/2017). Thửa 244 trên bản đồ địa chính mang tên ông Dương Công K (đã chết), hiện nay các con của ông Dương Công K gồm anh Dương Công T1, anh Dương Công H, chị Dương Thị S2, chị Dương Thị Q, chị Dương Thị L1, chị Dương Thị L2, chị Dương Thị C, chị Dương Thị S1 đồng sở hữu diện tích đất này và nhất trí thỏa thuận.

Chị Giáp Thị T, anh Dương Công T1, anh Dương Công H, chị Dương Thị S2, chị Dương Thị Q, chị Dương Thị L1, chị Dương Thị L2, chị Dương Thị C, chị Dương Thị S1, UBND huyện H nhất trí hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho anh Dương Công T1 và chị Giáp Thị T, gồm GCNQSDĐ số BN 295949 do UBND huyện H cấp ngày 18/10/2013 cho anh Dương Công T1 và chị Giáp Thị T đối với các thửa 215, diện tích 909m^2, thửa 236, diện tích 1.730m^2, thửa 241, diện tích 196m^2 đều thuộc tờ bản đồ số 56 bản đồ địa chính xã Q; GCNQSDĐ số BN 295950 do UBND huyện H cấp ngày 18/10/2013 cho anh Dương Công T1 và chị Giáp Thị T đối với thửa 246, tờ bản đồ số 56 bản đồ địa chính xã Q, diện tích 541m^2.

- Về nợ chung: Không có.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí định giá tài sản và chi phí giám định: Chị Giáp Thị T, anh Dương Công T1, anh Dương Công H, chị Dương Thị S2, chị Dương Thị Q, chị Dương Thị L1, chị Dương Thị L2, chị Dương Thị C, chị Dương Thị S1 thỏa thuận nhất trí, chị Giáp Thị T tự chịu số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà chị T đã tạm ứng chi phí là 5.000.000 (năm triệu) đồng; chị Dương Thị S2 tự chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà chị Dương Thị S2 đã tạm ứng chi phí là 6.000.000 (sáu triệu) đồng và chi phí giám định mà chị Dương Thị S2 đã tạm ứng chi phí là 5.000.000 (năm triệu) đồng.

- Về án phí: Chị Giáp Thị T và anh Dương Công T1 thỏa thuận nhất trí chị T chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng và án phí đối với phần tài sản chị Giáp Thị T được hưởng, số tiền 462.500 (bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng, tổng số tiền án phí chị Giáp Thị T phải chịu là 612.500 (sáu trăm mười hai nghìn năm trăm) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 12.300.000 (mười hai triệu ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2012/01947 ngày 24/5/2017 và biên lai thu số AA/2012/01948 ngày 24/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ hoàn trả lại cho chị Giáp Thị T số tiền 11.687.500 (mười một triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng. Anh Dương Công T1 phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng;

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Q; huyện H, tỉnh Lạng Sơn.
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lộc Sơn Thái